

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Đăng ký, quản lý cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an.

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 27/TTr-CAT-PTM ngày 24/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành trong lĩnh vực Đăng ký, quản lý cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Công bố Danh mục 02 TTHC lĩnh vực Đăng ký, quản lý cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (Có phụ lục I kèm theo).

2. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đăng ký, quản lý cư trú đối với 02 TTHC được công bố tại khoản 1 Điều này (Có Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã và các đơn vị liên quan thuộc phạm vi quản lý niêm yết, công khai thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết và thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an (*qua Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH
VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý |
|----------|---|---------------------|---|--|--------------------|--|
| I | Lĩnh vực Đăng ký, quản lý cư trú | | | | | |
| 1 | Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở. | 02 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | T Trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích | Không có | - Luật Cư trú năm 2020 - Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. |
| 2 | Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới. | 02 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã | Trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích | Không có | - Luật Cư trú năm 2020 - Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú. |

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI
BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

1. Thủ tục: Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký cư trú và Tờ khai theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cư trú và Tờ khai đến cơ quan đăng ký cư trú. Cơ quan quản đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển Tờ khai đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì xác nhận và chuyển hồ sơ cho cơ quan đăng ký cư trú để xem xét, giải quyết đăng ký cư trú cho công dân;

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và chuyển văn bản và hồ sơ cho cơ quan đăng ký cư trú để xem xét, giải quyết đăng ký cư trú cho công dân.

1.2. Cách thức thực hiện

- Nộp hồ sơ bằng phương thức trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú. Cơ quan quản đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (*trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật*).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) *Thành phần hồ sơ*: Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở (*Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP*).

b) *Số lượng hồ sơ*: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích đề ở (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP).

- Trường hợp từ chối giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích đề ở (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Cư trú ngày 13/11/2020.

- Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

2. Thủ tục: Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp công dân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tới cơ quan đăng ký cư trú cùng hồ sơ đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết.

- Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và cấp giấy hẹn trả kết quả cho công dân;

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và trả kết quả cho công dân.

- Bước 4: căn cứ ngày hẹn trả kết quả để nhận kết quả giải quyết thủ tục xác nhận.

2.2. Cách thức thực hiện

- Nộp hồ sơ bằng phương thức trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan đăng ký cư trú. Cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (*trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật*).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú (*Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP*).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú (*Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP*).

- Trường hợp từ chối giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú (*Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP*).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Cư trú ngày 13/11/2020;

- Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

CÁC BIỂU MẪU LÀ THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Nghị định số 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01

UBND ⁽¹⁾
⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đề nghị xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở

Kính gửi ⁽²⁾ :

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

- 1. Họ, chữ đệm và tên:
- 2. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../.....
- 3. Số định danh cá nhân:
- 4. Nơi cư trú:
- 5. Quan hệ với phương tiện⁽³⁾:

II. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG TIỆN

- 1. Tên phương tiện:
- 2. Loại:
- 3. Số hiệu phương tiện (nếu có):
- 4. Biển số/Số đăng ký phương tiện (nếu có):
- 5. Thông tin chủ sở hữu phương tiện:
 - Họ, chữ đệm và tên:
 - Ngày, tháng, năm sinh: .../.../.....; Số định danh cá nhân:
 - Nơi cư trú:

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ UBNDXÁC NHẬN:

- 1. Phương tiện thường xuyên đậu, đỗ tại ⁽⁴⁾:
- 2. Phương tiện được sử dụng vào mục đích để ở.

..., ngày... tháng... năm...
Người đề nghị xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA⁽²⁾:

1. Phương tiện⁽⁵⁾ thường xuyên đầu, đồ của
 phương tiện tại địa chỉ ⁽⁴⁾:

.....

2. Phương tiện ⁽⁵⁾được sử dụng vào mục
 đích để ở.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN.....

(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Ủy ban nhân dân cấp trên của nơi công dân gửi đề nghị xác nhận;

(2) Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã;

(3) Chủ sở hữu/người thuê, mượn, ở nhờ;

(4) Ghi địa chỉ cụ thể thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã;

(5) Tên; số hiệu (nếu có); Biển số/Số đăng ký (nếu có).

* Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, công dân kê khai thông tin vào biểu mẫu điện tử, những thông tin của công dân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ được tự động điền vào biểu mẫu Tờ khai. Người kê khai không phải ký vào biểu mẫu điện tử.

UBND⁽¹⁾
 (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú

Kính gửi⁽²⁾:

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

1. Họ, chữ đệm và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../.....
3. Số định danh cá nhân:
4. Nơi cư trú:

II. THÔNG TIN VỀ CHỖ Ở HỢP PHÁP

1. Địa chỉ chỗ ở hợp pháp:
-
2. Thông tin về nhà ở:
 - Diện tích thửa đất: Diện tích xây dựng: Diện tích sàn:
 - Tổng số người đang đăng ký thường trú:
 - Diện tích sàn còn lại được đăng ký thường trú khi cho thuê, mượn, ở nhờ:

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ UBND XÁC NHẬN:

1. Tình trạng chỗ ở để đăng ký thường trú, tạm trú:
 -
 -
2. Diện tích nhà ở để đăng ký thường trú khi cho thuê, mượn, ở nhờ:
 - Tổng số người thuê, mượn, ở nhờ:
 - Tổng số diện tích chỗ ở hợp pháp thuê, mượn, ở nhờ:
 -

... ngày tháng ... năm ...

Người đề nghị

XÁC NHẬN CỦA UBND⁽²⁾

Nội dung xác nhận ⁽³⁾.....
.....
.....
.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN.....
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ủy ban nhân dân cấp trên của nơi công dân gửi đề nghị xác nhận;
 - (2) Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã;
 - (3) Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã có trách nhiệm xác nhận đầy đủ nội dung: chỗ ở đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp và không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới quy định tại Điều 23 Luật Cư trú.
- * Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, công dân kê khai thông tin vào biểu mẫu điện tử, những thông tin của công dân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ được tự động điền vào biểu mẫu Tờ khai. Người kê khai không phải ký vào biểu mẫu điện tử.